

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ QUAN HỆ SẢN XUẤT TRONG NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN TRỌNG TUẤN

Học viện Kỹ thuật quân sự

Nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện lực lượng sản xuất còn rất lạc hậu, nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp vẫn ở trong tình trạng sản xuất nhỏ, công cụ sản xuất rất thô sơ, chủ yếu là lao động thủ công dùng sức người, sức động vật. Do vậy năng suất rất thấp. Sau ngày hòa bình lập lại (1954) chúng ta đã tiến hành hợp tác nông nghiệp ở miền Bắc. Mặc dù quan hệ sản xuất có tiến xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, song trong giai đoạn nhất định này nhân dân Miền Bắc đã sản xuất với tinh thần "tất cả vì Miền Nam ruột thịt, tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Với tinh thần đó, nền kinh tế ở Miền Bắc trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ đã có những bước tiến nhất định, đóng góp tích cực vào cuộc kháng chiến chống Mỹ đến thắng lợi của dân tộc. Nhưng khi đất nước được hoàn toàn độc lập, tình hình đã không còn như trong thời kỳ chiến tranh nữa, lẽ ra chúng ta phải kịp thời nắm bắt nhanh nhạy sự biến chuyển tình hình để kịp thời chuyển nền kinh tế từ thời chiến sang thời bình thì chúng ta lại say sưa với thắng lợi đã đạt được, tiếp tục mở rộng quy mô hợp tác hóa trong nông nghiệp, lợi ích cá nhân của người lao động bị hòa tan vào lợi ích tập thể. Mô hình hợp tác hóa trong nông nghiệp trước đây có vai trò tích cực đóng góp vào cuộc kháng chiến chống Mỹ thì ngày nay đã không còn phù hợp nữa bởi tình trạng quản lý thấp kém tạo kẽ hở cho những tiêu cực có mầm mống từ trước, có điều kiện phát triển nhanh, cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, mệnh lệnh được củng cố và phát triển mạnh trong công tác quản lý. Chế độ bình quân trong phân phối kim hãm không cho người lao động phát huy được khả năng, sáng kiến, nhiệt tình trong lao động. Tình trạng đó cùng với chính sách đóng cửa trong những năm qua (chủ yếu chi liên hệ với các nước xã hội chủ nghĩa) đã làm nền kinh tế nước ta vốn đã trì trệ càng thêm trì trệ.

Năng xuất lao động thấp, tình trạng thiếu lương thực ở nhiều nơi trong nhiều năm qua đã làm cho nhân dân ta khó khăn rất nhiều trong đời sống. Tình trạng đó một phần không nhỏ là do nguyên nhân chủ quan, chúng ta đã không nắm vững và vận dụng đúng quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất [1, 2]. Trong thực tiễn việc cải tạo với xóa bỏ dần đến xóa bỏ một số thành phần kinh tế còn giữ vai trò tích cực trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Từ Đại hội toàn quốc lần thứ 6 (1986) Đảng ta đã nhận thấy những sai lầm trong chính sách quản lý kinh tế và đã kịp thời sửa chữa sai lầm đó. Chính sách khoán sản phẩm tới người lao động trong nông nghiệp ra đời và tiếp tục được hoàn thiện [3].

Chính sách bế quan tỏa cảng, cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, mệnh lệnh, chủ nghĩa bình quân chạy theo thành tích, những cái đó đã kìm hãm sản xuất phát triển đang dần dần bị

loại bỏ và thay vào đó là lối làm ăn mới, hạch toán kinh doanh, coi trọng năng suất, chất lượng và hiệu quả. Chính sách mở cửa giúp củng cố hoàn thiện, đổi mới theo xu hướng tích cực tất cả các mặt của đời sống xã hội, chính trị, kinh tế, văn hóa, giúp chúng ta tiếp thu được nền văn minh, những tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất mới - thành tựu chung của nền văn hóa nhân loại. Về kinh tế, chính sách mở cửa giúp ta hiện đại hóa lực lượng sản xuất, thu hút đầu tư nước ngoài và giúp ta đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân lành nghề và các nhà quản lý giỏi.

Hiện nay nước ta đang chỉ mới ở chặng đường đầu của thời kỳ quá độ - đó là thời kỳ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải tạo quan hệ sản xuất cũ. Trong thời kỳ quá độ, tồn tại nhiều thành phần kinh tế, có cả thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa. Mỗi thành phần này đều giữ một vai trò nhất định trong nền kinh tế quốc dân. Sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế là đặc điểm đồng thời là tính tất yếu trong thời kỳ quá độ.

V. I. Lê Nin đã giải thích khái niệm quá độ "có nghĩa là trong chế độ hiện nay có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội".

Trong thời gian qua chúng ta đã nhận thức không đúng bản chất của thời kỳ quá độ, đã xóa tiêu thương và thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa trong khi những thành phần này còn cần thiết và kinh tế xã hội chủ nghĩa chưa đủ sức thay thế. Việc mở rộng quy mô hợp tác xã nông nghiệp dưới hình thức sản xuất tập trung như trước đây đã trở thành bất hợp lý. Sự thất bại của chủ trương xây dựng mở rộng đơn vị kinh tế đến cấp huyện đã chứng tỏ rằng cơ chế quản lý cũ không còn phù hợp nữa. Quan hệ sản xuất của chúng ta cần phải được xây dựng trên cơ sở phù hợp với lực lượng sản xuất, tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất phát triển. Trước tình hình đó Ban bí thư đã đưa ra chỉ thị 100 (1981) và sau đó Bộ chính trị đưa ra nghị quyết 10 (4-1988) chủ trương chia nhỏ hợp tác xã, giảm bộ máy gián tiếp trong hợp tác xã. Thay cho việc quản lý, điều hành sản xuất tập trung vào một số cán bộ xã, chế độ phân phối thu nhập tập trung vào ban quản trị hợp tác xã mà trình độ quản lý non kém lại là việc hợp tác, liên doanh của những người lao động có quyền sử dụng riêng về ruộng đất (ít ra là trong một vụ) và tư liệu sản xuất, do vậy mà quản lý được toàn bộ sản phẩm lao động của mình, từ đó phát huy được tinh thần tự giác, nhiệt tình trong lao động [4, 5].

Quá trình xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp trong những năm gần đây gắn liền với quá trình thực hiện và hoàn thiện chính sách khoán sản phẩm. Đầu tiên là chế độ khoán công nhật mà thực chất của nó là chủ nghĩa bình quân trong lao động, sau đó là đến chế độ khoán việc cho xã viên. So với khoán công nhật thì khoán việc là một bước tiến nhưng chính ở đây nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực như làm ẩu, chạy theo công diêm, tình trạng bội chi công diêm vì tham ô móc ngoặc, vì tất cả mọi công việc đều quy về diêm, dẫn đến bình quân thu nhập theo công quá thấp, thu nhập của người lao động quá ít so với sức lao động bỏ ra. Người lao động thu nhập thấp nên đã không mang hết khả năng sức lực ra làm việc. Nhược điểm căn bản của hai hình thức khoán này là không gắn trực tiếp người lao động với sản phẩm cuối cùng.

Chỉ thị 100 của Ban bí thư là một bước tiến mới của đường lối khoán sản phẩm trong nông nghiệp. Theo chỉ thị này người dân được hưởng 80% hoặc 100% sản lượng vượt mức khi họ đã vượt qua được mức sản lượng mà tập thể, hợp tác xã giao khoán. Với chính sách này, lợi ích của người lao động đã được quan tâm, phát huy được tiềm năng lao động, tiền vốn, sức

lao động, khuyến khích người lao động tìm mọi biện pháp để tăng năng suất lao động, để vượt kế hoạch, gắn bó lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể. Tuy nhiên khoán theo chỉ thị 100 còn nhiều hạn chế vì ở đây chỉ mới khoán từng cung đoạn của toàn bộ quá trình làm ra sản phẩm, vẫn còn dựa theo chế độ công điểm, do vậy tình trạng tiêu cực, bội chi công điểm vẫn còn, vì vậy thu nhập do tăng năng suất của người lao động không được nhiều, nên chưa tạo ra được động lực mạnh để thúc đẩy sản xuất phát triển [5].

Để khắc phục được nhược điểm nói trên, năm 1988 Bộ chính trị đã ra nghị quyết 10 đưa ra cơ chế khoán mới - khoán sản phẩm cuối cùng đến người lao động. Cơ chế khoán này dựa vào định mức và đơn giá sản phẩm, gắn kế hoạch sản xuất với kế hoạch phân phối ngay từ đầu. Người nông dân có quyền nhận đất, thực hiện và kiểm soát toàn bộ các công đoạn của quá trình sản xuất và được quản lý toàn bộ sản phẩm mình làm ra sau khi đã nộp thuế và chi phí phụ cho sản xuất. Ở đây người nông dân phát huy được lao động tự giác và quyền làm chủ trên mảnh đất mà mình được giao, có thể trồng cấy thứ gì, giống gì tùy theo ý mình, có thể đầu tư vốn, công sức chăm bón, có thể hiệp tác nhau trong sản xuất. Chính sách khoán 10 của Đảng đã chú ý đến tầm quan trọng của quản lý và phân phối - điều mà trước đây xem nhẹ hoặc quá chú trọng mặt quan hệ sở hữu, coi quan hệ sở hữu là yếu tố gần như duy nhất của quan hệ sản xuất, trong khi ba mặt của quan hệ sản xuất gắn bó chặt chẽ phụ thuộc vào nhau. Tuy khoán 10 đã mang lại động cơ thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển song còn nhiều nhược điểm như sản lượng cao nhưng tiêu thụ quá chậm, giá nông sản quá thấp so với các mặt hàng khác, chi phí sản xuất tăng: giống, thủy lợi phí, phân bón, thuốc trừ sâu, ... Kết quả là thu nhập thực tế của nông dân thấp. Một số hợp tác xã còn khoán trắng cho xã viên, không đầu tư kỹ thuật, không quan tâm đến các hình thức dịch vụ giúp nông dân sản xuất như làm đất, tưới tiêu ... Để khắc phục thiếu sót này, cần kiện toàn bộ máy quản lý hợp tác xã, tổ chức dịch vụ (tự nguyện) nông nghiệp phục vụ sản xuất, bao cấp một số mặt hàng nào đó. Khoán 10 đã tạo điều kiện đưa nền kinh tế hiện vật sang nền kinh tế hàng hóa làm cho thị trường nông thôn được mở rộng, tạo điều kiện phát triển ngành chế biến nông sản, thực phẩm dùng trong nước và xuất khẩu.

Nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện lực lượng sản xuất, cơ sở vật chất kỹ thuật quá thấp kém, lùi sau trình độ các nước phát triển hàng trăm năm, do vậy không thể áp dụng nguyên mẫu hình quan hệ sản xuất của các nước xã hội chủ nghĩa, mà ở đó lực lượng sản xuất đã phát triển. Việc lựa chọn và vận dụng mô hình quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất ở nước ta nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, đúng hướng là vấn đề quan trọng hàng đầu trong lý luận và thực tiễn. Khoán sản phẩm trong nông nghiệp hiện nay là tuân theo quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong nông nghiệp nước ta. Nó đã thúc đẩy về mặt quản lý, khoán sản phẩm là hình thức hạch toán kinh tế đến nhóm và đến từng gia đình, tạo ra hình thức liên kết, liên doanh giữa cá nhân - tập thể quốc doanh thông qua các hợp đồng kinh tế. Đây là hình thức năng động, mới mẻ trong quan hệ sản xuất hiện nay. Về mặt phân phối, khoán sản phẩm thực hiện ba lợi ích trong đó lợi ích của người lao động được coi trọng. Đây cũng là nội dung chính của hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nông nghiệp nước ta, làm tốt nhiệm vụ này sẽ tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất và ngược lại.

Ngày nay chúng ta đang sống trong thời đại mà cuộc cách mạng khoa học phát triển mạnh mẽ ở trình độ cao, có sự giao lưu trên mọi lĩnh vực nhất là trong hợp tác khoa học kỹ thuật. Ngày nay khoa học kỹ thuật đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp - Đó là những điều

kiện thuận lợi để chúng ta phát triển lực lượng sản xuất, đẩy nhanh nền kinh tế tiến lên, rút ngắn và bỏ qua những giai đoạn không cần thiết mà lịch sử nhân loại đã phải trải qua trong một thời gian dài với tất cả tính đầy đủ, chi tiết của nó. Để phát triển lực lượng sản xuất chúng ta cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán trong nông nghiệp, tăng cường hợp tác khoa học kỹ thuật và đầu tư với nước ngoài nhằm hiện đại hóa lực lượng sản xuất, thu hút nguồn vốn, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Đã có nhiều dự án đầu tư của nước ngoài trong các ngành kinh tế ở nước ta, riêng lĩnh vực nông nghiệp thì rất ít, hầu như chưa có. Đã có một vài nước đang có những dự án đầu tư chăn nuôi, hợp tác với các địa phương trong nước. Một số địa phương đã ký được hợp đồng nhưng lại có một số địa phương từ chối vì muốn giữ đất. Nhà nước cần có những chính sách thích hợp để thu hút đầu tư nước ngoài trong nông nghiệp.

Nghiên cứu cơ chế tác động của quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở nước ta trong giai đoạn hiện nay giúp Nhà nước đề ra những chính sách phù hợp và xây dựng đường lối chiến lược khoa học phát triển kinh tế, nhằm đưa nền kinh tế nước ta đi đúng hướng, vừa đảm bảo tiến trình phát triển tự nhiên vừa rút ngắn thời hạn lịch sử (chứ không phải đốt cháy giai đoạn), tạo nên những bước nhảy về chất, sự tăng trưởng nhanh chóng của lực lượng sản-xuất ở nước ta là nhiệm vụ trung tâm của những người làm công tác lý luận [6].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mác - Ăng ghen tuyển tập, tập III, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991, Tr. 123.
2. Lê Nin toàn tập, bản tiếng Việt, tập 44, NXB Tiến bộ, Matxcova, 1978, Tr. 248.
3. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VI, NXB Sự thật, Hà Nội, 1987, Tr. 1 - 6.
4. Văn kiện đại hội Đảng lần VII, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991, Tr. 1 - 7.
5. Nghị quyết 09 của Bộ chính trị, NXB Sự thật, Hà Nội, 1995, Tr. 9.
6. Tạp chí Cộng sản, số 9, 1994.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC. SCI., t.XI, n^o3, 1995

SOME THOUGHTS ABOUT THE DIALECTICAL RELATION BETWEEN PRODUCTIVE FORCE AND PRODUCTIVE RELATIONSHIP IN VIETNAM AGRICULTURE AT PRESENT

NGUYEN TRONG TUAN

Institute of Military Technics

The dialectical relation between productive force and productive relationship in our agriculture has been researched from various angles. In this paper, we wish to explore the process of realizing different form of land delivery quotas in agriculture, thanks to which considerable achievements have been obtained in our agricultural productive force. Along with that, productive relationship is more and more consolidated, supplemented, perfected to suit agricultural production which is directed at multi-sectored merchandise economy in socialist orientation.